

Số: 94/2022/QĐST-HNGĐ

Long Thành, ngày 30 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 343/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Thanh B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 28, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh B và chị Nguyễn Thị Ái N thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê Thanh B và chị Nguyễn Thị Ái N thỏa thuận giao cháu Lê K, sinh ngày 11/9/2017 cho chị Nguyễn Thị Ái N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Thanh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh B và chị Nguyễn Thị Ái N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê K, sinh ngày 11/9/2017 cho chị Nguyễn Thị Ái N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Thanh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con có hiệu lực từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật và chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn anh B vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh B có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ái N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Thanh B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Thanh B và Nguyễn Thị Ái N phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0005636 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (*anh B, chị N đã nộp đủ lệ phí*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND H.L;
- Đương sự;
- UBND thị trấn L (GCNKH số 211/2016);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phụng